

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I
MÔN LỊCH SỬ 11

CHỦ ĐỀ 1: CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

BÀI 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

Câu 1: Mục tiêu chủ yếu của cách mạng tư sản là xóa bỏ chế độ chính trị nào sau đây?

- A. Cộng sản nguyên thủy
B. Xã hội chủ nghĩa
C. Chế độ phong kiến
D. Chiếm hữu nô lệ.

Câu 2: Cách mạng tư sản chủ yếu do giai cấp nào lãnh đạo?

- A. Nông dân
B. Công nhân
C. Tri thức
D. Tư sản

Câu 3: Giai cấp lãnh đạo của các cuộc cách mạng tư sản có đặc điểm nào sau đây?

- A. Đại diện cho nhân dân lao động.
B. Đại diện cho phương thức sản xuất tiên bộ.
C. Đại diện cho giai cấp thống trị.
D. Có quyền lực chính trị trong xã hội.

Câu 4: Cách mạng tư sản thực hiện những nhiệm vụ cơ bản nào dưới đây?

- A. Dân tộc và dân chủ
B. Chính trị và xã hội
C. Độc lập và tự do
D. Dân sinh và dân chủ

Câu 5: Giai cấp nào dưới đây được xác định là động lực quan trọng của các cuộc Cách mạng tư sản?

- A. Địa chủ phong kiến
B. Quý tộc phong kiến
C. Quần chúng nhân dân
D. Quý tộc phong kiến và quý tộc mới.

Câu 6: Ý nào dưới đây là **đúng** về nhiệm vụ dân tộc của cuộc cách mạng tư sản?

- A. Xóa bỏ chế độ phong kiến chuyên chế, thiết lập nền dân chủ tư sản
B. Xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ, hình thành thị trường thống nhất.
C. Xóa bỏ chế độ phong kiến, thiết lập nhà nước xã hội chủ nghĩa.
D. Xóa bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ, hình thành thị trường thống nhất.

Câu 7: Ý nào dưới đây là **đúng** về nhiệm vụ dân chủ của cuộc cách mạng tư sản?

- A. Xóa bỏ chế độ phong kiến, thiết lập nhà nước xã hội chủ nghĩa.
B. Xóa bỏ chế độ chiếm hữu nô lệ, hình thành thị trường thống nhất
C. Xóa bỏ chế độ phong kiến chuyên chế, thiết lập nền dân chủ tư sản
D. Xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ, hình thành thị trường thống nhất.

Câu 8: “Trào lưu Triết học Ánh sáng” đã tạo tiền đề về tư tưởng cho cuộc cách mạng nào dưới đây?

- A. Cách mạng tư sản Anh
B. Cách mạng tư sản Pháp
C. Cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ
D. Cách mạng Việt Nam.

Câu 9: Cuộc cách mạng nào dưới đây được xem là cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu nhất thời cận đại?

- A. Cách mạng tư sản Anh
B. Cách mạng tư sản Pháp
C. Cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ
D. Cách mạng tư sản Hà Lan.

Câu 10. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** tiền đề về kinh tế của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại?

A. Chế độ thuộc địa, phong kiến chuyên chế kìm hãm sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.

B. Chế độ phong kiến chuyên chế đã thúc đẩy kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ.

C. Sự cai trị của chính quốc đối với thuộc địa đã thúc đẩy kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

D. Kinh tế tư bản chủ nghĩa ra đời đồng thời với sự xác lập của chế độ phong kiến chuyên chế.

Câu 11. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về tiền đề chính trị của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại?

A. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản, quý tộc mới với nhân dân lao động sâu sắc.

B. Mâu thuẫn dân tộc gay gắt giữa nhân dân thuộc địa với chính quyền thực dân.

C. Chính sách cai trị của nhà nước phong kiến, thực dân gây bất mãn cho nhân dân.

D. Sự tồn tại của nhà nước quân chủ lập hiến gây bất mãn cho giai cấp tư sản, quý tộc mới.

Câu 12. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của trào lưu Triết học Ánh sáng ở Pháp (thế kỉ XVIII)?

A. Cùng cố hệ tư tưởng của chế độ phong kiến.

B. Dọn đường cho cách mạng tư sản Pháp bùng nổ.

C. Tấn công vào hệ tư tưởng của chế độ phong kiến.

D. Thúc đẩy cách mạng tư sản Pháp bùng nổ.

Câu 13. Các cuộc cách mạng tư sản đều hướng tới thực hiện mục tiêu nào sau đây?

A. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa – nhà nước của nhân dân lao động.

B. Xóa bỏ những trở ngại trên con đường xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

C. Thiết lập nền chuyên chính vô sản, đưa nhân dân lao động lên nắm chính quyền.

D. Duy trì, bảo vệ và củng cố nền cai trị của nhà nước phong kiến chuyên chế.

Câu 14. Cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII) đã đạt được kết quả nào sau đây?

A. Lật đổ sự thống trị của thực dân của Anh, giành độc lập dân tộc.

B. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

C. Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế, xây dựng nền cộng hòa dân chủ.

D. Xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ; thống nhất lãnh thổ, thị trường dân tộc.

Câu 15. Cuộc Cách mạng tư sản Pháp (thế kỉ XVIII) đã đạt được kết quả nào sau đây?

A. Lật đổ sự thống trị của thực dân của Anh, giành độc lập dân tộc.

B. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

C. Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế, xây dựng nền cộng hòa dân chủ.

D. Lật đổ sự thống trị của chế độ phong kiến chuyên chế, giành độc lập dân tộc.

Câu 16. Điểm tương đồng giữa Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ và Cách mạng tư sản Pháp là

A. đều do giai cấp tư sản độc quyền lãnh đạo cách mạng.

B. mở đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

C. chế độ quân chủ lập hiến được thiết lập.

D. không có sự tham gia của quần chúng nhân dân.

Câu 17: Yếu tố nào sau đây thể hiện cuộc cách mạng tư sản Pháp là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất thời cận đại?

- A. Do giai cấp tư sản lãnh đạo
B. Có sự tham gia của quần chúng nhân dân
C. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. **D. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.**

Câu 18. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng những tiền đề về xã hội của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại?

- A. Xuất hiện các lực lượng xã hội mới đại diện cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
B. Mâu thuẫn giữa các lực lượng xã hội mới với chế độ phong kiến hoặc chủ nghĩa thực dân.
C. Quần chúng nhân dân sẵn sàng đi theo giai cấp tư sản và quý tộc mới... để làm cách mạng.
D. Xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới..., đại diện cho phương thức sản xuất phong kiến.

Câu 19. Một trong những nhiệm vụ dân tộc của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại là

- A. xác lập nền dân chủ tư sản.
B. xác lập nền chuyên chính vô sản.
C. xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ.
D. xóa bỏ tính chất chuyên chế phong kiến.

Câu 20. Cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII) đặt dưới sự lãnh đạo của

- A. giai cấp tư sản và quý tộc mới.
B. giai cấp tư sản và chủ nô.
C. giai cấp tư sản.
D. giai cấp vô sản.

Câu 21. Động lực của các cuộc cách mạng tư sản bao gồm

- A. giai cấp tư sản và quý tộc tư sản hóa. **B. lực lượng lãnh đạo và quần chúng nhân dân.**
C. quý tộc phong kiến và tầng lớp Giáo hội. D. quần chúng nhân dân và quý tộc phong kiến.

Câu 22. Dù có những nguyên nhân bùng nổ, hình thức, diễn biến và kết quả khác nhau, song các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại đều giống nhau về

- A. mục tiêu chung (xóa bỏ những rào cản kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa tư bản).**
B. lực lượng lãnh đạo (liên minh giữa giai cấp tư sản với tầng lớp quý tộc tư sản hóa).
C. nhiệm vụ cách mạng (xóa chế độ nô lệ, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển).
D. động lực chính của cách mạng (giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc tư sản hóa).

Câu 23. Một trong những nhiệm vụ dân chủ của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại là

- A. giải phóng dân tộc. **B. xác lập nền dân chủ tư sản.**
C. thống nhất thị trường dân tộc. D. xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ.

Câu 24. Điểm tương đồng giữa Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ và Cách mạng tư sản Pháp là gì?

- A. Giai cấp tư sản độc quyền lãnh đạo cách mạng.
B. Mở đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.
C. Sau cách mạng, chế độ quân chủ lập hiến được thiết lập.
D. Sử dụng tôn giáo cải cách làm “ngọn cờ” tập hợp lực lượng.

BÀI 2: SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Câu 1. Quốc gia nào sau đây khởi đầu cuộc Cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVIII?

- A. Pháp. B. Đức. C. I-ta-li-a **D. Anh.**

Câu 2. Từ đầu thế kỉ XIX, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguyên liệu và nhân công các nước tư bản phương Tây đã tăng cường

- A. hợp tác và mở rộng đầu tư. B. thu hút vốn đầu tư bên ngoài.
C. xâm lược và mở rộng thuộc địa. D. đổi mới hình thức kinh doanh.

Câu 3. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các nước tư bản đã chuyển sang giai đoạn

- A. tự do cạnh tranh. B. cải cách đất nước.
C. đế quốc chủ nghĩa. D. chủ nghĩa phát xít.

Câu 4. Chủ nghĩa đế quốc ra đời từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là hệ quả trực tiếp của quá trình nào sau đây?

- A. Giao lưu buôn bán. **B. Xâm lược thuộc địa.**
C. mở rộng thị trường. D. hợp tác kinh tế.

Câu 5. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, các nước đế quốc chủ nghĩa đã thiết lập hệ thống thuộc địa rộng khắp

- A. châu Âu, châu Mỹ và khu vực Tây Âu. B. châu Âu, châu Úc và khu vực Bắc Mỹ.
C. châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh. D. châu Mỹ, Tây Âu và khu vực Đông Âu.

Câu 6. Đầu thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây có hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất?

- A. Mĩ. B. I-ta-li-a. C. Pháp **D. Anh.**

Câu 7. Đến thế kỉ XVIII, nhiều nước ở khu vực Mỹ La-tinh đã trở thành thuộc địa của thực dân

- A. Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha** B. Anh và Pháp.
C. Mỹ và Đức. D. I-ta-li-a và Nhật Bản.

Câu 8. Cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) đã lật đổ triều đại phong kiến nào ở Trung Quốc?

- A. Nhà Tống. B. Nhà đường. **C. Nhà Thanh.** D. Nhà Nguyên.

Câu 9. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, các tổ chức độc quyền ra đời ở các nước tư bản là sự liên minh giữa

- A. vô sản và tư sản. B. chủ nô và tư sản.
C. các nhà tư bản lớn. D. địa chủ và quý tộc.

Câu 10. Các hình thức tiêu biểu của tổ chức độc quyền ở Đức và Pháp (ra đời từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX) là

- A. Tơ-rót **B. Các-ten, Xanh-đi-ca.** C. Con-sen D. Dai-bát-xư

Câu 11. Các hình thức của tổ chức độc quyền ở Mỹ (ra đời từ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX) là

- A. Các-ten. **B. Tơ-rót.** C. Dai-bát-xư. D. Xanh-đi-ca.

Câu 12. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây được mệnh danh là “đế quốc mà Mặt Trời không bao giờ lặn”?

- A. Pháp. B. Đức. **C. Anh.** D. Mỹ.

Câu 13. Sự kiện nào sau đây đánh dấu sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản ra ngoài phạm vi châu Âu?

- A. Cuộc vận động thống nhất nước Đức và I-ta-li-a.

B. Cải cách nông nô ở Nga và cuộc nội chiến ở Mỹ.

C. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.

D. Phong trào đấu tranh giành độc lập ở khu vực Mỹ La-tinh.

Câu 14. Thuật ngữ: “*chủ nghĩa tư bản hiện đại*” dùng để chỉ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn

A. trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

C. cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

D. cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Câu 15. Lĩnh vực nào sau đây là tiềm năng phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Quân sự, văn hóa.

B. Văn hóa – giáo dục.

C. Chính trị, ngoại giao.

D. Khoa học – công nghệ.

Câu 16. Nội dung nào sau đây là tiềm năng phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Kinh nghiệm quản lí.

B. Liên minh quân sự.

C. Liên kết khu vực.

D. Hợp tác quốc tế.

Câu 17. Nội dung nào sau đây “*không phải*” là tiềm năng phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Kinh nghiệm quản lí.

B. Khoa học – công nghệ.

C. Khả năng tự điều chỉnh để tồn tại.

D. Liên minh quân sự.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là thách thức mà chủ nghĩa tư bản hiện đại phải đối mặt?

A. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ.

B. Sự sáp nhập của các công ty độc quyền lũng đoạn.

C. Sự vươn lên mạnh mẽ của các nước đang phát triển.

D. Khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính toàn cầu.

Câu 19. Nội dung nào sau đây là thách thức mà chủ nghĩa tư bản hiện đại phải đối mặt?

A. Nguồn nhân công ngày càng cạn kiệt.

B. Giao lưu kinh tế quốc tế ngày càng tăng.

C. Mâu thuẫn xã hội ngày càng gia tăng.

D. Sự ra đời các tổ chức liên kết khu vực.

Câu 20. Nội dung nào sau đây là thách thức mà chủ nghĩa tư bản hiện đại phải đối mặt?

A. Nguồn nhân công ngày càng cạn kiệt.

B. Giao lưu kinh tế quốc tế ngày càng tăng.

C. Lạm phát, ô nhiễm môi trường.

D. Sự ra đời các tổ chức liên kết khu vực.

Câu 21. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** thực trạng và thách thức mà chủ nghĩa tư bản hiện đại phải đối mặt?

A. Sự rút ngắn khoảng cách giữa các nước giàu và nghèo.

B. Sự chênh lệch giàu nghèo và bất bình đẳng trong xã hội.

C. Sự vươn lên mạnh mẽ của các nước công nghiệp mới.

D. Sự ra đời các tổ chức hợp tác quốc tế và khu vực.

Câu 22. Mục đích xâm lược và mở rộng thuộc địa của các nước tư bản nhằm đáp ứng nhu cầu

A. phát triển khoa học – kĩ thuật.

B. giải quyết tình trạng thất nghiệp.

C. thu hút nguồn vốn đầu tư bên ngoài.

D. nguyên liệu, thị trường và nhân công.

Câu 23. Nước Anh được mệnh danh là “*đế quốc mà Mặt Trời không bao giờ lặn*” vì lí do nào sau đây?

A. Có dân số đông nhất thế giới.

B. Có hệ thống thuộc địa rộng khắp thế giới.

C. Nguồn nhân lực dồi dào trải khắp toàn cầu.

D. Nguồn tài chính đầu tư khắp thế giới.

Câu 24. Từ nửa sau thế kỉ XIX, Nhật Bản tránh được nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây là nhờ

A. liên minh quân sự với các nước tư bản lớn.

B. tiến hành cải cách trên nhiều lĩnh vực.

C. tiến hành cuộc nội chiến lật đổ phong kiến.

D. sự giúp đỡ của các nước tư bản phương Tây.

Câu 25. Nội dung nào sau đây tạo cơ sở cho bước chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền?

A. Quá trình hợp tác ở các nước tư bản.

B. Sự phát triển của các tổ chức độc quyền.

C. Nhiều trung tâm kinh tế - tài chính ra đời.

D. Sự ra đời nhiều tổ chức liên kết khu vực.

Câu 26. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc?

A. Lật đổ ách thống trị của các nước đế quốc.

B. Xóa bỏ hoàn toàn tàn dư phong kiến lỗi thời.

C. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

D. Giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 27. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc?

A. Lật đổ ách thống trị của các nước đế quốc.

B. Xóa bỏ hoàn toàn tàn dư phong kiến lỗi thời.

C. Lật đổ chế độ phong kiến tồn tại lâu đời.

D. Giải quyết triệt để ruộng đất cho nông dân.

Câu 28. Cuộc Duy Tân Minh Trị (1868) ở Nhật Bản và cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc có điểm tương đồng nào sau đây?

A. Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản triệt để.

B. Là cuộc cách mạng tư sản không triệt để.

C. Là những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

D. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 29. Cuộc Duy Tân Minh Trị (1868) ở Nhật Bản và cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc có điểm tương đồng nào sau đây?

A. Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản triệt để.

B. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

C. Là những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

D. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 30. Cuộc Duy Tân Minh Trị (1868) ở Nhật Bản và cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc có điểm khác biệt nào sau đây?

A. Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản triệt để.

B. Là những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

C. Đưa đất nước trở thành cường quốc tư bản.

D. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 31. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền?

A. Tập trung sản xuất và hình thành độc quyền.

B. Hình thành các tổ chức độc quyền quốc tế.

C. Đầu tư, hợp tác với các nước đang phát triển.

D. Tăng cường phân chia lãnh thổ thế giới.

Câu 32. Yếu tố nào sau đây đưa đến sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền?

A. Sự phát triển của lực lượng sản xuất dưới tác dụng của tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

B. Sự sáp nhập của các công ty độc quyền và sự ra đời các tổ chức tín dụng quốc tế.

C. Sự ra đời và phát triển của các tổ chức liên kết khu vực nhiều nơi trên thế giới.

D. Sự hình thành phát triển của các trung tâm kinh tế tài chính nhiều nơi trên thế giới.

Câu 33. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về bản chất chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Luôn tìm cách xóa bỏ sự chênh lệch giàu nghèo và những bất công xã hội.

B. Theo đuổi lợi nhuận là mục tiêu cao nhất và cuối cùng của các nhà tư bản.

C. Đầu tư, hợp tác nhằm mục tiêu thúc đẩy sự phát triển kinh tế toàn cầu.

D. Không ngừng đấu tranh đòi quyền lợi chính đáng cho người lao động.

Câu 34. Nội dung nào sau đây **không** phải là thách thức mà chủ nghĩa tư bản hiện đại đang phải đối mặt?

A. Khủng hoảng kinh tế, tài chính.

B. Sự chênh lệch giàu nghèo.

C. Tốc độ phát triển kinh tế toàn cầu.

D. Tệ nạn xã hội, phân biệt chủng tộc.

CHỦ ĐỀ 2. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ 1917 ĐẾN NAY

BÀI 3. SỰ HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

Câu 1. Thắng lợi nào sau đây dẫn đến sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới?

A. Cách mạng tháng Hai (1917) ở Nga.

B. Cách mạng tháng Mười Nga (1917).

C. Cách mạng Nga năm 1905 - 1907.

D. Công xã Pa-ri năm 1871 ở Pháp.

Câu 2. Sau Cách mạng tháng Mười Nga, nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền Xô viết là

A. đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng bộ máy nhà nước mới.

B. hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế.

C. khôi phục và phát triển kinh tế, chống lại thù trong giặc ngoài.

D. tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. Sau Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, người đứng đầu Chính quyền Xô viết là

A. Lê-nin.

B. Xta-lin.

C. Pu-tin.

D. Goóc-ba-chốp.

Câu 4. Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai, khai mạc đêm 25-10-1917 đã ra tuyên bố

A. thành lập chính quyền Xô viết.

B. thông qua sắc lệnh “Hòa bình”.

C. thông qua sắc lệnh “Ruộng đất”.

D. Thông qua chính sách “Kinh tế mới”.

Câu 5. Khi mới thành lập, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết gồm 4 nước Cộng hòa là

A. Nga, Hung-ga-ri, Ba lan và An-ba-ni.

B. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.

C. Nga, Bung-ra-ri và Việt Nam, Trung quốc.

D. Liên Xô, Ngoại Cáp-ca-dơ, Ru-ma-ni, U-rai-na.

Câu 6. Biểu tượng trên Quốc huy của Liên Xô theo Hiến pháp (1924) là

A. búa liềm trên quả địa cầu.

B. ngôi sao vàng năm cánh.

C. Lê-nin cầm cờ đỏ búa liềm.

D. bánh răng và bông lúa nước.

Câu 7. Sự kiện nào sau đây mở đường cho sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

A. Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga.

B. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917

C. Cách mạng Nga năm 1905 - 1907.

D. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914).

Câu 8. Theo Hiến pháp của Liên Xô (1924), ghi nhận việc hợp tác của các nước Cộng hòa Xô viết thành một nhà nước dựa trên cơ sở

A. thỏa thuận.

B. tự nguyện.

C. bắt buộc.

D. thương lượng.

Câu 9. Tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (1922) là

A. xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc.

B. phân biệt về tôn giáo, tín ngưỡng giữa các dân tộc.

C. thống nhất về kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc.

D. phân biệt về chủng tộc, tôn giáo giữa các dân tộc.

Câu 10. Sự kiện đánh dấu mốc hoàn thành của quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết là

A. cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917).

B. nước Nga Xô viết thực hiện chính sách kinh tế mới (1921).

C. bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua (1924).

D. Tuyên ngôn thành lập Liên bang Xô viết được thông qua (1922).

Câu 11. Nguyên nhân quan trọng dẫn đến thắng lợi của nước Nga Xô viết trong cuộc chiến chống thù trong, giặc ngoài là nhờ sự đoàn kết giúp đỡ nhau của

A. các nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa trên đất nước xô viết.

B. lực lượng tiến bộ và nhân dân yêu hòa bình trên thế giới.

C. các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á, và khu vực Mỹ Latinh..

D. có sự ủng hộ của nhân dân lao động ở các nước tư bản.

Câu 12. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đặt ra yêu cầu gì đối với các dân tộc trên lãnh thổ nước Nga Xô viết?

A. Hợp tác với các nước tư bản để tiếp thu những tiến bộ.

B. Liên minh, đoàn kết với nhau nhằm tăng cường sức mạnh.

C. Độc lập với nhau để phát huy sức mạnh của mỗi dân tộc.

D. Liên kết với các nước bên ngoài để nhận sự giúp đỡ.

Câu 13. Một trong những tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) là

A. sự bình đẳng, quyền tự quyết.

B. sự nhất trí, quyền dân tộc.

C. sự hợp tác, quyền độc lập.

D. sự cộng tác, quyền dân chủ.

Câu 14. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, Việt Nam học tập kinh nghiệm gì từ sự ra đời và thành công của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

A. Tăng cường hợp tác với các nước tư bản chủ nghĩa.

B. Mở rộng, hợp tác quốc tế để khẳng định vị thế đất nước.

C. Tinh thần đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc.

D. Tham gia liên minh quân sự để tăng cường sức mạnh phòng thủ.

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** ý nghĩa về sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (Liên Xô) năm 1922?

A. Phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới lúc bấy giờ.

B. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.

C. Chưa phù hợp với nguyện vọng các dân tộc trên đất nước Xô viết.

D. Đáp ứng được nhiệm vụ cấp bách trong đấu tranh chống ngoại xâm.

Câu 16. Đối với Liên Xô, sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo điều kiện để các nước cộng hòa phát triển kinh tế - xã hội.

B. Chứng minh tính khoa học, đúng đắn của học thuyết Mác - Lênin.

C. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa.

D. Để lại bài học kinh nghiệm về mô hình nhà nước sau khi giành chính quyền.

Câu 17. Đối với quốc tế, sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết có ý nghĩa như thế nào?

A. Làm thất bại âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch.

B. củng cố và tăng cường vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.

C. Tạo điều kiện để các nước cộng hòa phát triển kinh tế - xã hội.

D. Chứng minh tính khoa học, đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Câu 18. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** ý nghĩa quốc tế từ sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

A. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa.

B. củng cố và tăng cường vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.

C. Tạo điều kiện để các nước cộng hòa phát triển kinh tế - xã hội.

D. Làm thất bại ý đồ và hành động chia rẽ của các thế lực thù địch.

Câu 19. Sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết **không** có ý nghĩa nào sau đây?

A. Tăng cường vị thế của Nhà nước Liên Xô trên trường quốc tế.

B. Đưa chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống duy nhất trên thế giới.

C. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.

D. Thể hiện sức mạnh đoàn kết, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc Xô viết.

Câu 20. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về ý nghĩa quốc tế đối với sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

A. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.

B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ La-tinh.

C. Tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

D. Trở thành biểu tượng và chỗ dựa cho phong trào cách mạng thế giới.

Câu 21. Nội dung nào sau đây **không** đúng về tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

A. Xây dựng nhà nước tư bản chủ nghĩa.

B. Quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc.

C. Sự bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc.

D. Xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc.

BÀI 4: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY

Câu 1. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô đã tạo điều kiện cho sự ra đời của nhà nước dân chủ nhân dân ở các nước

- A. Đông Âu.** B. Tây Âu. C. Nam Âu. D. Bắc Âu.

Câu 2. Năm 1949, quốc gia nào sau đây đã lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội?

- A. Trung Quốc.** B. Việt Nam. C. Triều Tiên. D. Cu-ba.

Câu 3. Từ năm 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây thực hiện chính sách hòa bình, giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa?

- A. Anh. B. Trung Quốc. **C. Liên Xô.** D. Mĩ.

Câu 4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào sau đây **không** lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội?

- A. Cu-ba. **B. Hàn Quốc.** C. Ba Lan. D. Lào.

Câu 5. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước nào sau đây ở khu vực Mỹ Latinh chọn con đường chủ nghĩa xã hội?

- A. Bra-xin. **B. Cu-ba.** C. Mê-hi-cô. D. Pê-ru.

Câu 6. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào sau đây đi theo con đường xã hội chủ nghĩa?

- A. Việt Nam. **B. Liên Xô.** C. Trung Quốc. D. Cu-ba.

Câu 7. Miền Bắc Việt Nam tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội sau thắng lợi của

A. cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954.

B. Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết năm 1973.

C. cuộc kháng chiến chống Mĩ và tay sai năm 1975.

D. quá trình thống nhất hai miền Nam – Bắc năm 1976.

Câu 8. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã

A. trở thành một hệ thống trên thế giới.

B. trở thành siêu cường số một thế giới.

C. bị xoá bỏ hoàn toàn trên thế giới.

D. lan rộng sang các nước ở Tây Âu.

Câu 9. Năm 1949, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập, Trung Quốc lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đã đánh dấu

A. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới. **B. Chủ nghĩa xã hội mở rộng từ Âu sang Á.**

C. Chủ nghĩa xã hội không còn là hệ thống thế giới. D. Chủ nghĩa xã hội vươn lên đứng đầu thế giới.

Câu 10. Sự kiện nào sau đây đánh dấu thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

A. Pháp xâm lược Việt Nam (1858).

B. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930).

C. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (1954)

D. Sau Đại thắng Mùa xuân (1975).

Câu 11. Từ những năm 80 của thế kỉ XX, các nước Đông Âu lâm vào thời kì suy thoái, khủng hoảng trầm trọng về

A. văn hóa, giáo dục. B. chính trị, quân sự. C. quốc phòng an ninh. **D. kinh tế, xã hội.**

Câu 12. Từ năm 1973 đến cuối những năm 80 (thế kỉ XX), các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô trong thời kỳ nào sau đây?

A. Phát triển đỉnh cao.

B. Đạt nhiều thành tựu rực rỡ.

C. Lậm vào suy thoái, khủng hoảng.

D. Thoát khỏi khủng hoảng kinh tế.

Câu 13. Năm 1991, sự kiện nào dưới đây phản ánh đúng về chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu?

A. Khủng hoảng trầm trọng. B. Phát triển thần kì. **C. Chính thức sụp đổ.** D. Phát triển ổn định.

Câu 14. Tháng 12-1978, gắn với sự kiện quan trọng nào ở Trung Quốc?

A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Xây dựng chủ nghĩa tư bản.

C. Xây dựng dân giàu, nước mạnh.

D. Thực hiện cải cách mở cửa.

Câu 15. Năm 2010, quốc gia nào sau đây có nền kinh tế đứng thứ hai thế giới?

A. Mĩ.

B. Nhật Bản.

C. Việt Nam.

D. Trung Quốc.

Câu 16. Những thành tựu trong công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc cho thấy sự đúng đắn của con đường xây dựng

A. chủ nghĩa xã hội. B. chủ nghĩa dân tộc. C. chủ nghĩa yêu nước. D. chủ nghĩa cơ hội.

Câu 17. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn tới sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu là do

A. tiến hành cải tổ muộn, gặp khó khăn khi tiến hành cải tổ.

B. không tiến hành cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại.

C. đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí.

D. sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong nước.

Câu 18. Nguyên nhân khách quan dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là

A. không theo kịp sự phát triển khoa học-kĩ thuật.

B. sự chống phá của các thế lực thù địch.

C. thiếu dân chủ và công bằng xã hội.

D. phạm phải nhiều sai lầm khi cải tổ.

Câu 19. Nội dung quan trọng nhất trong công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc (từ tháng 12 - 1978) là

A. lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

B. lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

C. chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục.

D. tập trung cải cách triệt để về kinh tế.

Câu 20. Một trong những biểu hiện chứng tỏ Liên Xô là thành trì của cách mạng thế giới từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX là gì?

A. Tích cực giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Trực tiếp đối đầu với các cường quốc phương Tây.

C. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.

D. Thúc đẩy sự hình thành xu thế hợp tác toàn cầu.

Câu 21. Đến nay, nước Cộng hòa Cu-ba đã phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt là

A. sự chống phá của các thế lực thù địch trong nước.

B. chính quyền độc tài thân Mĩ chưa bị lật đổ.

C. con đường xã hội chủ nghĩa chưa có tính ưu việt.

D. lệnh cấm vận kéo dài của Mỹ và phương Tây.

Câu 22. Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng, sụp đổ của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu?

A. Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí.

B. Thiếu sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của nhân dân.

C. Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

D. Không bắt kịp sự phát triển của khoa học - kỹ thuật tiên tiến.

Câu 23. Nội dung nào sau đây **không** phải là thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội của Trung Quốc từ khi cải cách mở cửa đến nay?

A. Bình quân tăng trưởng vượt xa mức trung bình của thế giới.

B. Trở thành một cường quốc kinh tế, quân sự đứng đầu thế giới.

C. Đạt được những tiến bộ vượt bậc trong lĩnh vực công nghệ mới.

D. Có những trung tâm công nghệ cao, đặc khu kinh tế hàng đầu châu Á.

Câu 24. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** chính sách đối ngoại của Liên Xô từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70?

A. Tích cực, tiến bộ. B. Hòa bình, trung lập. C. Hòa hoãn, tích cực. D. Trung lập, tích cực.

Câu 25. Điểm giống nhau cơ bản giữa cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc (1978) và công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986) là gì?

A. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

C. Chỉ chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục. D. Tập trung cải cách triệt để về kinh tế.

Câu 26. Từ cuối thế kỷ XX, vị thế của Trung Quốc ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế là do

A. sự điều chỉnh chính sách đối ngoại và bình thường hóa quan hệ với nhiều nước.

B. sở hữu nhiều vũ khí hạt nhân và công nghệ quốc phòng nhiều nhất trên thế giới.

C. ra sức thực hiện “giấc mơ Trung Hoa”, âm mưu làm bá chủ trên toàn thế giới.

D. thường xuyên gây ra nhiều cuộc chiến tranh xâm và nô dịch các nước láng giềng.

Câu 27. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về thành tựu cơ bản của nền kinh tế Trung Quốc từ sau khi thực hiện công cuộc cải cách mở cửa (1978-1997)?

A. Nền nông nghiệp phát triển toàn diện.

B. Nền công nghiệp phát triển hoàn chỉnh.

C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định.

D. Vươn lên trở thành cường quốc công nghiệp.

Câu 28. Từ thành công của Liên Xô (1945-1973), đã để lại cho Việt Nam bài học kinh nghiệm gì trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước hiện nay?

A. Tinh thần “tự lực tự cường” trong xây dựng đất nước.

B. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. Chỉ mở rộng hợp tác, giao lưu với các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Mở cửa hội nhập, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.

Câu 29. Từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu, Việt Nam rút ra bài học gì cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay?

A. Duy trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. B. Tăng cường chính sách chạy đua vũ trang.

C. Thực hiện chính sách “đóng cửa” nền kinh tế. D. Phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

CHỦ ĐỀ 3.

QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

BÀI 5. QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CAI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

Câu 1. Thực dân phương Tây xâm nhập vào các nước Đông Nam Á thông qua những con đường nào sau đây?

- A. Hỗ trợ nhân đạo, thương mại và truyền giáo.
- B. Hoạt động thể thao, thương mại và truyền giáo.
- C. Thương mại, truyền giáo và chiến tranh xâm lược.**
- D. Quảng bá du lịch, truyền giáo và chiến tranh xâm lược.

Câu 2. Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây vào khu vực Đông Nam Á diễn ra trong bối cảnh chế độ phong kiến

- A. đang trong giai đoạn bắt đầu mới hình thành.
- B. đạt nhiều thành tựu rực rỡ về khoa học - kỹ thuật.
- C. suy thoái khủng hoảng về chính trị, kinh tế, xã hội.**
- D. trong giai đoạn phát triển mạnh về kinh tế, văn hóa.

Câu 3. Sau cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha (1898), Phi-lip-pin trở thành thuộc địa của

- A. Tây Ban Nha.
- B. Bồ Đào Nha.
- C. Pháp.
- D. Mỹ.**

Câu 4. Sau khi hoàn thành xâm lược Đông Nam Á, các nước thực dân phương Tây đã thi hành chính sách cai trị nào sau đây?

- A. Chia để trị**
- B. Viện trợ kinh tế.
- C. đồng hóa.
- D. Phân biệt chủng tộc.

Câu 5. Mở đầu cho quá trình xâm lược vào khu vực Đông Nam Á là thực dân

- A. Pháp.
- B. Anh.
- C. Bồ Đào Nha.**
- D. Tây Ban Nha.

Câu 6. Đến cuối thế kỉ XIX, ba nước Đông Dương (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia) trở thành thuộc địa của

- A. thực dân Pháp.**
- B. thực dân Anh.
- C. thực dân Hà Lan.
- D. thực dân Tây Ban Nha.

Câu 7. Đến cuối thế kỉ XIX, In-đô-nê-xi-a đã trở thành thuộc địa của

- A. thực dân Pháp.
- B. thực dân Anh.
- C. thực dân Hà Lan.**
- D. thực dân Tây Ban Nha.

Câu 8. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á vẫn giữ được độc lập là

- A. Việt Nam.
- B. Xiêm.**
- C. Campuchia.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 9. Đến đầu thế kỉ XX, các nước thực dân phương Tây

- A. chuẩn bị quá trình xâm lược Đông Nam Á.
- B. mở rộng quá trình xâm lược Đông Nam Á.
- C. trao trả độc lập cho các nước Đông Nam Á.
- D. đã hoàn thành quá trình xâm lược Đông Nam Á.**

Câu 10. Về chính trị, sau khi thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã

- A. duy trì thể lực phong kiến ở địa phương.**
- B. sử dụng giai cấp tư sản làm tay sai.
- C. sử dụng chế độ quân chủ lập hiến.
- D. đưa giai cấp vô sản lên nắm quyền.

Câu 11. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng tình hình chính trị ở các nước Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

- A. Chính quyền thực dân thi hành chính sách “chia để trị”.
- B. Triều đình phong kiến đầu hàng chính quyền thực dân.
- C. Chính quyền thực dân xác lập quyền cai trị ở trung ương.
- D. Chính quyền thực dân cử người bản xứ cai quản ở trung ương.**

Câu 12. Thực dân phương Tây đã sử dụng chính sách nào để chia rẽ khối đoàn kết và làm suy yếu sức mạnh dân tộc của các nước Đông Nam Á?

- A. “Tìm và diệt”.
- B. “Chia để trị”.**
- B. “Kinh tế chỉ huy”.
- C. “Cấm đạo Thiên Chúa”.

Câu 13. Trong chính sách cai trị về văn hóa, xã hội và giáo dục ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã

- A. chú trọng xây dựng hệ thống đường giao thông.
- B. chú trọng thực hiện các chính sách xóa nghèo đói.
- C. phát triển kinh tế ở những nơi có điều kiện phù hợp.
- D. kìm hãm người dân thuộc địa trong tình trạng lạc hậu.**

Câu 14. Vào giữa thế kỉ XIX, Vương quốc Xiêm đứng trước sự đe dọa xâm lược của

- A. thực dân phương Tây.**
- B. phong kiến Trung Quốc.
- C. quân phiệt Nhật Bản.
- D. đế quốc Mông Cổ.

Câu 15. Những nội dung cải cách của vua Ra-ma V đã đưa Xiêm phát triển theo con đường

- A. tư bản chủ nghĩa.**
- B. xã hội chủ nghĩa.
- C. cộng hòa Liên bang.
- D. phong kiến.

Câu 16. Từ năm 1892, vua Ra-ma V tiến hành cải cách hành chính theo mô hình của

- A. Nhật Bản.
- B. Trung Quốc.
- C. phương Tây.**
- D. Ấn Độ.

Câu 17. Các nước Đông Nam Á hải đảo là đối tượng đầu tiên thu hút sự chú ý của thực dân phương Tây vì lí do nào sau đây?

- A. Giàu tài nguyên, điều kiện giao lưu, buôn bán thuận lợi.**
- B. Là khu vực có dân số đông nhất và đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ.
- C. Là khu vực có tình trạng chính trị không ổn định do bị chia cắt.
- D. Là khu vực có nhiều thương cảng sầm uất nhưng thiếu sự quản lí.

Câu 18. Các nước Đông Nam Á hải đảo là đối tượng đầu tiên thu hút sự chú ý của thực dân phương Tây vì lí do nào sau đây?

- A. Là khu vực nằm trên tuyến đường biển huyết mạch Đông - Tây.**
- B. Là khu vực có dân số đông nhất và đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ.
- C. Là khu vực có tình trạng chính trị không ổn định do bị chia cắt.
- D. Là khu vực có nhiều thương cảng sầm uất nhưng thiếu sự quản lí.

Câu 19. Nội dung nào sau đây là mục đích của thực dân phương Tây khi thực hiện chính sách “chia để trị” ở Đông Nam Á?

- A. Làm suy yếu sức mạnh dân tộc của các nước.**
- B. Để các nước dễ dàng trong việc buôn bán.

C. Để phát huy sức mạnh của từng quốc gia. D. Để đầu tư cho từng nước không bị phân tán.

Câu 20. Để bảo vệ được chủ quyền của đất nước, vua Ra-ma V đặc biệt quan tâm đến chính sách

A. Kinh tế. B. văn hóa. C. tôn giáo. **D. ngoại giao.**

Câu 21. Một trong những yếu tố giúp Xiêm trở thành nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây là do

A. thực hiện đường lối ngoại giao mềm dẻo. B. Xiêm là nước có tiềm lực mạnh về kinh tế.

C. Xiêm liên minh quân sự chặt chẽ với Mỹ. D. Xiêm tiến hành cuộc cách mạng tư sản sớm.

Câu 22. Điểm tương đồng của Xiêm và Nhật Bản trong đường lối phát triển đất nước giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là gì?

A. Tiến hành cải cách và trở thành cường quốc ở châu Á.

B. Điều lệ thuộc vào các nước phương thực dân phương Tây.

C. Điều không đạt được mục đích trong công cuộc cải cách.

D. Cải cách, phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Câu 23. Điểm tương đồng trong cải cách ở Xiêm và Nhật Bản từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX đều theo khuôn mẫu

A. các nước phương Đông.

B. các nước phương Tây.

C. cải cách Nông nô ở Nga.

D. các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 24. Việt Nam rút ra được bài học gì từ những cải cách ở nước Xiêm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX để bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc?

A. Thực hiện mở cửa buôn bán tự do.

B. Liên minh quân sự với các nước phương Tây.

C. Thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo. D. Cải cách hành chính theo mô hình phương Tây.

Câu 25. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** điểm chung của các nước Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX?

A. Giữ được nền độc lập tương đối.

B. Bị thực dân phương Tây xâm lược và đô hộ.

C. Thoát khỏi sự xâm lược của thực dân phương Tây.

D. Thực hiện cải cách, trở thành nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 26. Cuộc cải cách ở Xiêm (nửa sau thế kỉ XIX) có điểm hạn chế nào sau đây?

A. Phải vay vốn từ các nước Anh, Pháp để phát triển đất nước.

B. Cắt nhượng một số vùng đất phụ thuộc để giữ nền độc lập.

C. Đưa đất nước phát triển theo mô hình của các nước phương Tây.

D. Lợi dụng vị trí nước “vùng đệm” và phát huy thế mạnh kinh tế.

Câu 27. Điểm tương đồng trong cải cách Ra-ma V ở Xiêm và cải cách Minh Trị ở Nhật Bản là gì?

A. Tập trung phát triển giáo dục truyền thống. B. Tích cực học tập nền giáo dục Hán học.

C. Chú trọng tiếp thu nền giáo dục phương Tây. D. Phải học tập nền giáo dục của Trung Hoa.

Câu 28. Nội dung nào sau đây là **đúng** về bối cảnh các nước Đông Nam Á trước khi trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây?

A. Chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng.

B. Các nước đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

C. Nhân dân không hợp tác với triều đình phong kiến.

D. Nhà nước phong kiến đã phát triển thịnh vượng.

Câu 29. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** chính sách cai trị trên lĩnh vực chính trị của thực dân phương Tây ở các nước Đông Nam Á?

A. Tiêu diệt các thế lực phong kiến địa phương để thu tóm quyền hành.

B. Để cho người bản xứ nắm các chức vụ chủ chốt trong bộ máy cai trị.

C. Đàn áp các cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Đông Nam Á.

D. Không cho phép người bản xứ tham gia vào bộ máy hành chính.

Câu 30. Trong quá trình cai trị Đông Nam Á, thực dân phương Tây chú trọng phát triển hệ thống giao thông vận tải, nhằm

A. truyền bá văn hóa, khai hóa văn minh cho cư dân trong khu vực.

B. hỗ trợ các nước trong khu vực khôi phục và phát triển nền kinh tế.

C. nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân Đông Nam Á.

D. phục vụ các chương trình khai thác thuộc địa và mục đích quân sự.

Câu 31. Trong quá trình cai trị Đông Nam Á, thực dân phương Tây đã thi hành chính sách nào trên lĩnh vực nông nghiệp?

A. Phát triển hệ thống giao thông vận tải.

B. Chú trọng hoạt động khai thác khoáng sản.

C. Cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền.

D. Chia ruộng đất cho nông dân nghèo cày cấy.

BÀI 6. HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

Câu 1. Ở In-đô-nê-xi-a, từ cuối thế kỉ XVI, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan bùng nổ mạnh mẽ, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của

A. Hoàng tử Đê-pô-nê-gô-rô.

B. Hoàng thân Si-vô-tha.

C. Đa-ga-hô.

D. A-cha-xoa.

Câu 2. Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở Phi-líp-pin diễn ra sôi nổi, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của

A. Hoàng tử Đê-pô-nê-gô-rô.

B. Hoàng thân Si-vô-tha.

C. Đa-ga-hô.

D. A-cha-xoa.

Câu 3. Từ thế kỉ XVI đến XIX, nhân dân Phi-líp-pin nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của

A. thực dân Anh.

B. thực dân Pháp.

C. thực dân Tây Ban Nha.

D. thực dân Hà Lan.

Câu 4. Một trong những cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân Cam-pu-chia chống lại ách cai trị của thực dân Pháp là khởi nghĩa của

A. Hoàng tử Đê-pô-nê-gô-rô.

B. Hoàng thân Si-vô-tha.

C. Đa-ga-hô.

D. A-cha-xoa.

Câu 5. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Mi-an-ma nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của

A. thực dân Anh.

B. thực dân Pháp.

C. thực dân Tây Ban Nha.

D. thực dân Hà Lan.

Câu 6. Để áp đặt được ách độ hộ trên toàn bộ đất nước Việt Nam, thực dân Pháp đã phải mất

- A. 30 năm. B. 28 năm. **C. 26 năm.** D. 24 năm.

Câu 7. Nguyên nhân quyết định khiến thực dân Pháp không thực hiện được âm mưu đánh nhanh thắng nhanh trong quá trình xâm lược Việt Nam (1858 - 1884) là

- A. quân Pháp từ xa đến, không quen khí hậu, địa hình Việt Nam.
B. quan quân triều đình nhà Nguyễn có chiến thuật đánh Pháp độc đáo.
C. triều đình nhà Nguyễn quyết tâm lãnh đạo nhân dân kháng chiến.

D. Pháp vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân Việt Nam.

Câu 8. Điểm giống nhau cơ bản trong quá trình đấu tranh chống thực dân phương Tây của nhân dân các nước Đông Nam Á là

- A. mục đích đấu tranh.** B. thời điểm diễn ra.
C. hình thức đấu tranh. D. lực lượng lãnh đạo.

Câu 9. Điểm nổi bật trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920 là

- A. khuynh hướng tư sản thay thế ý thức hệ phong kiến.**
B. ý thức hệ phong kiến thay thế khuynh hướng tư sản.
C. tồn tại song song hai khuynh hướng tư sản và vô sản.
D. khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế tuyệt đối.

Câu 10. Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á (cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX) theo xu hướng tư sản diễn ra sớm nhất ở nước nào sau đây?

- A. Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào. B. Thái Lan, Việt Nam, Lào.
C. In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma, Phi-líp-pin. D. Phi-líp-pin, Thái Lan, Việt Nam.

Câu 11. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc ở Đông Nam Á chủ yếu diễn ra dưới hình thức là

- A. cải cách ôn hòa. B. biểu tình, bãi công chính trị.
C. bất bạo động và bất hợp tác. **D. bạo động vũ trang.**

Câu 12. Trong những năm 1945 - 1975, nhân dân các nước Đông Dương tiếp tục đấu tranh chống lại những thế lực ngoại xâm nào dưới đây?

- A. Thực dân Pháp và thực dân Anh. B. Thực dân Anh và thực dân Hà Lan.
C. Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. D. Thực dân Anh và thực dân Tây Ban Nha.

Câu 13. Chính sách cai trị nào của thực dân phương Tây được coi là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự chia rẽ giữa các cộng đồng dân cư ở Đông Nam Á?

- A. “Đồng hóa văn hóa”. B. “Đồng hóa về tôn giáo”.
C. “Chia để trị”. D. “Ngu dân”.

Câu 14. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, mâu thuẫn bao trùm trong xã hội Đông Nam Á là mâu thuẫn giữa

- A. nhân dân Đông Nam Á với thực dân xâm lược.** B. giai cấp nông dân và địa chủ phong kiến.
C. giai cấp tư sản với chính quyền thực dân. D. giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Câu 15. Nội dung nào dưới đây phản ánh **không** đúng tác động tích cực từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây đối với khu vực Đông Nam Á?

- A. du nhập nền sản xuất công nghiệp. B. gắn kết khu vực với thị trường thế giới.
C. thúc đẩy phát triển một số yếu tố về văn hóa. **D. các mâu thuẫn xã hội được giải quyết triệt để.**

Câu 16. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** tác động tích cực từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây đến khu vực Đông Nam Á?

- A. Kinh tế phát triển với tốc độ nhanh, quy mô lớn. **B. Gắn kết Đông Nam Á với thị trường thế giới.**
C. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống. D. Giải quyết triệt để các mâu thuẫn trong xã hội.

Câu 17. Từ giữa những năm 50 - 60 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.** B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
C. Công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc. D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 18. Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, Chính phủ Bru-nây thi hành chính sách

- A. công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. B. xây dựng nền kinh tế kế bao cấp.
B. tập trung phát triển công nghiệp nặng. D. đa dạng hoá nền kinh tế.

Câu 19. Quốc gia nào ở Đông Nam Á được coi là một trong 4 “con rồng” của kinh tế châu Á?

- A. Việt Nam. B. Thái Lan. **C. Xin-ga-po.** D. Nhật Bản.

Câu 20. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng hạn chế của “chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu” những năm 50 - 60 (TK XX) của nhóm năm nước sáng lập ASEAN?

- A. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. B. Phụ thuộc vào vốn và thị trường bên ngoài.
B. Bị sự cạnh tranh của các nền kinh tế lớn. D. Thiếu nguồn vốn, nguyên liệu và công nghệ.

Câu 21. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng giai đoạn phát triển quan trọng của Việt Nam, Lào, cam-pu-chia cuối những năm 80 của thế kỉ XX?

- A. tiếp tục con đường phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa.
B. Công nghiệp hóa, từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.
C. Phát triển nền kinh tế theo hướng tập trung, quan liêu, bao cấp.
D. Cải cách đất nước một cách toàn diện, trọng tâm là chính trị.

Câu 22. Từ giữa những năm 60 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX, nhóm năm nước sáng lập ASEAN đã tiến hành chiến lược kinh tế nào sau đây?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. **B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.**
C. Công nghiệp hóa trong lĩnh vực nông nghiệp. D. Quốc hữu hóa các doanh nghiệp nước ngoài.

Câu 23. Chính sách nô dịch, áp đặt văn hóa phương Tây của chính quyền thực dân tác động như thế nào đến nền văn hóa các dân tộc ở Đông Nam Á?

- A. Cư dân Đông Nam Á được khai hóa văn minh. B. Thúc đẩy sự hòa hợp tôn giáo ở nhiều nước.
C. Xói mòn những giá trị văn hóa truyền thống. D. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.

Câu 24. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhân dân Việt Nam nổi dậy đấu tranh chống lại ách cai trị của

- A. thực dân Anh. **B. thực dân Pháp.**
C. thực dân Tây Ban Nha. D. thực dân Hà Lan.

Câu 25. Điểm chung trong phong trào giải phóng dân tộc ở ba nước Đông Dương vào cuối thế kỉ XIX là gì?

A. Phong trào chống thực dân mang ý thức hệ phong kiến.

B. Phong trào đấu tranh diễn ra theo khuynh hướng tư sản.

C. Thắng lợi hoàn toàn, lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp.

D. Diễn ra quyết liệt, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản.

Câu 26. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tác động tiêu cực từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây đến nền kinh tế của các nước Đông Nam Á?

A. Phần lớn các nước Đông Nam Á vẫn là những nước nông nghiệp lạc hậu.

B. Kinh tế lạc hậu, thiếu cân đối giữa các ngành kinh tế, giữa các địa phương.

C. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế quan hệ sản xuất phong kiến.

D. Đông Nam Á trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của thực dân phương Tây.

Câu 27. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** tác động tích cực từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây đến khu vực Đông Nam Á?

A. Kinh tế thuộc địa lệ thuộc vào nền kinh tế chính quốc.

B. Thúc đẩy phát triển một số yếu tố về văn hóa tiến bộ.

C. Đặt cơ sở hình thành nền văn hóa truyền thống.

D. Giải quyết triệt để các mâu thuẫn trong xã hội.

THAM KHẢO TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

BÀI 3

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đến năm 1922, nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa Xô viết đồng minh có sự phát triển không đồng đều về kinh tế, văn hóa, chính trị. Trong khi Nga là nước có nền kinh tế công nghiệp tương đối phát triển (nhờ thực hiện chính sách Kinh tế mới), các nước khác vẫn trong tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Các nước cộng hòa Xô viết cũng chưa có sự thống nhất về các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, ... Điều đó đặt ra yêu cầu phải hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.21)

- a. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập năm 1922 trong bối cảnh kinh tế nước Nga và các nước Xô viết khác có sự phát triển tương đối đồng đều
- b. Một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là do nhu cầu hợp tác, giúp đỡ nhau để cùng phát triển**
- c. Trước khi thành lập Liên bang Xô viết, các nước cộng hòa Xô viết đã có sự thống nhất bước đầu về các chính sách phát triển
- d. Năm 1922, kinh tế nước Nga phát triển là do thực hiện chính sách Kinh tế mới do Lê – nin đề xướng**

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Liên Xô, nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên, đã tỏ ra có sức mạnh phi thường. Ngay từ khi mới thành lập, Liên Xô chẳng những đập tan được bọn phản cách mạng trong nước, mà còn đánh thắng cuộc can thiệp vũ trang của 14 nước đế quốc, chưa đầy 30 năm sau lại đánh thắng hoàn toàn bọn phát xít Đức – Ý – Nhật, chẳng những bảo vệ được Nhà nước Xô viết mình mà còn góp phần to lớn giải phóng nhiều nước khác, cứu cả loài người khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa phát xít”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ Cánh diều, tr.22)

- a. Liên Xô là một trong những nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới
- b. Nhà nước Liên Xô bắt đầu tỏ ra có sức mạnh phi thường từ sau khi đánh bại phát xít
- c. Việc Liên Xô đánh thắng phát xít đã tạo điều kiện cho nhiều nước khác đứng lên tự giải phóng**
- d. Đoạn trích đã tóm tắt quá trình thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

BÀI 4

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thắng lợi của Liên Xô và các nước Đồng minh (Anh – Pháp – Mỹ) cùng lực lượng dân chủ thế giới chống phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai đã tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ mạnh mẽ, dẫn đến sự ra đời nhiều nước xã hội chủ nghĩa ở châu Á và ở Cu – ba (khu vực Mỹ Latinh)

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, tr. 22)

- a. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa mở rộng sang châu Á và khu vực Mỹ Latinh**
- b. Hiện nay, Cu – ba là quốc gia duy nhất ở khu vực Mỹ Latinh đi theo con đường xã hội chủ nghĩa**

c. Lực lượng phát xít bị đánh bại trong chiến tranh thế giới hai tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của nhiều nước xã hội chủ nghĩa

d. Nguyên nhân quyết định sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc sau chiến tranh thế giới thứ hai là do thắng lợi phe Đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“...tổng sản phẩm trong nước (GDP) đã tăng từ 367,9 tỉ nhân dân tệ (1978) lên hơn 114 nghìn tỉ nhân dân tệ (2021). Bình quân tăng trưởng hàng năm là khoảng 9,5% (1980 – 2017), vượt xa mức trung bình thế giới là 2,9%. Quy mô GDP của Trung Quốc từ vị trí thứ tám thế giới (những năm 80 của thế kỉ XX), vươn lên vị trí thứ hai thế giới (từ năm 2010)”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, tr. 27)

a. Đoạn trích phản ánh thành tựu của Trung Quốc trên lĩnh vực kinh tế, khoa học – kĩ thuật từ khi tiến hành cải cách – mở cửa

b. Một trong những thành tựu trong công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc là duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong nhiều năm

c. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc giai đoạn 1980 – 2017 cao hơn 4 lần so với mức trung bình chung của thế giới

d. Từ khi tiến hành cải cách, mở cửa (1978) đến nay, Trung Quốc, quy mô GDP của Trung Quốc luôn duy trì vị trí thứ hai trên thế giới

BÀI 5

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tại Bảo tàng hàng hải ở Ma – lắ – ca (Ma – lai – xi – a), mô hình con tầu Phlo đơ Ma của Bồ Đào Nha bị đắm ở Ma – lắ – ca thu hút sự chú ý của đông đảo khách tham quan. Đây là một trong số những con tầu thuộc hạm thuyền hùng mạnh của thực dân Bồ Đào Nha tấn công xâm lược Vương quốc Ma – lắ – ca, cũng là một thương cảng sầm uất ở Đông Nam Á vào năm 1511. Sự kiện này đã mở đầu cho quá trình xâm lược và thống trị kéo dài nhiều thế kỉ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.29)

a. Đoạn trích tập trung phản ánh sự phát triển của du lịch tại thành phố biển Ma – lắ – ca

b. Bồ Đào Nha là nước thực dân phương Tây đầu tiên xâm lược khu vực Đông Nam Á

c. Thực dân phương Tây bắt đầu quá trình xâm lược khu vực Đông Nam Á từ thế kỉ XV

d. Một trong những nguyên nhân khiến Bồ Đào Nha xâm lược Ma – lắ – ca vì đây là một hải cảng sầm uất ở biển Đông

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

... Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

...Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều”.

(Hồ Chí Minh, Tuyên ngôn Độc lập, trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 4, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.1 – 2)

a. Đoạn trích trong bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh tập trung tố cáo tội ác của phát xít Nhật trong quá trình thống trị Việt Nam.

b. Những tội ác của chính quyền thực dân đối với nhân dân ta được thể hiện toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục.

c. Một trong những chính sách cai trị của chính quyền thực dân được nhắc đến trong đoạn trích là chính sách “chia để trị”

d. ...“ràng buộc dư luận”, “chính sách ngu dân”, “dùng thuốc phiện, rượu cồn” là những chính sách và tội ác của chính quyền thực dân trên lĩnh vực chính trị.

BÀI 6

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ở Việt Nam, từ năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, cuộc chiến đấu chống xâm lược của nhân dân Việt Nam làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp. Các cuộc khởi nghĩa lan rộng ra các tỉnh Nam Kỳ và Bắc Kỳ, thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp quần chúng nhân dân với những hình thức đấu tranh phong phú. Thực dân Pháp phải tra qua 26 năm mới áp đặt được nền bảo hộ trên đất nước Việt Nam”

(Sách giáo viên Lịch sử 11, Bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.91 – 92)

a. Khi xâm lược Việt Nam vào nửa cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp đã chọn Đà Nẵng là điểm tấn công đầu tiên.

b. Khi xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp thực hiện kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” và đã nhanh chóng hoàn thành xâm lược Việt Nam trong khoảng thời gian ngắn.

c. Trong quá trình xâm lược, thực dân Pháp liên tục vấp phải sự kháng cự quyết liệt của các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

d. Năm 1884, thực dân Pháp đã áp đặt được nền bảo hộ trên đất nước Việt Nam.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tại Việt Nam, hơn 80 năm cai trị của chủ nghĩa thực dân đã để lại hậu quả nghiêm trọng. Thực dân Pháp chia Việt Nam làm ba kì với ba chế độ chính trị khác nhau, lập ra nhiều xứ tự trị, làm phức tạp các mối quan hệ vùng miền, tôn giáo, tộc người. Chính sách thuế khóa nặng nề và độc quyền nhiều loại hàng hóa, dịch vụ làm cho nền kinh tế Việt Nam què quặt, nghèo nàn, phụ thuộc vào chính quốc”

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ cánh diều, tr.38)

a. Đoạn trích phản ánh những tác động tích cực và tiêu cực của chế độ thực dân đối với Việt Nam.

b. Trong quá trình cai trị Việt Nam, thực dân Pháp thi hành nhiều chính sách làm phức tạp thêm các mối quan hệ vùng miền, tôn giáo, tộc người, ngăn cản khối đoàn kết dân tộc ta.

c. ...“thuế khóa nặng nề và độc quyền nhiều loại hàng hóa” là chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp về mặt chính trị đối với Việt Nam.

d. Trong suốt hơn 80 năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp, kinh tế Việt Nam tuy độc lập với kinh tế Pháp nhưng phát triển què quặt, nghèo nàn.

HẾT